SỞ Y TẾ PHÚ THỌ **TTYT KHU VỰC LẠC THỦY**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 413 /TM-TTYT V/v Mời báo giá	*Lạc Thủy, ngày19 tháng 6 năm 2026*

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý các đơn vị nhà thầu.

Hiện nay, TTYT khu vực Lạc Thủy đang chuẩn bị thực hiện Mua sắm thuốc, vật tư, hóa chất y tế phục vụ các hoạt động chuyên môn của đơn vị. Vì vậy, TTYT khu vực Lạc Thủy mời các đơn vị nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm báo giá gói thầu Mua sắm thuốc, vật tư, hóa chất y tế phục vụ các hoạt động chuyên môn, nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung thực hiện: Mua sắm thuốc, vật tư, hóa chất y tế phục vụ các hoạt động chuyên môn

(Nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

2. Mục tiêu, quy mô thực hiện: Nhằm bảo đảm đầy đủ thuốc, vật tư và hóa chất y tế phục vụ các hoạt động chuyên môn của đơn vị; đáp ứng nhu cầu sử dụng theo kế hoạch và thực tế phát sinh trong thời gian thực hiện gói thầu.

3. Thời gian khảo sát và nộp báo giá: 10 ngày kể từ ngày ký và đăng tải thư mời báo giá

TTYT khu vực Lạc Thủy mời các đơn vị nhà thầu báo giá gói thầu Mua sắm thuốc, vật tư, hóa chất y tế phục vụ các hoạt động chuyên môn theo phụ lục đính kèm.

(Chi tiết xin liên hệ: Vũ Quỳnh Nga – SĐT: 0987533923).

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý các đơn vị nhà thầu để TTYT hoàn thành được nội dung này.

Trân trọng cảm ơn!

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC LẠC THỦY

Nguyễn Văn Đang

PHỤ LỤC: HẠNG MỤC CÔNG VIỆC THỰC HIỆN

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 19 /6/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Lạc Thủy)

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	Albendazole	- Quy cách: Hộp 1 vỉ x 1 viên, hộp 1 vỉ x 10 viên - Nồng độ/hàm lượng: 400mg	Viên	6.500
2	Amoxycylin 500mg	- Quy cách: Hộp 10 vỉ x 10 viên - Nồng độ/hàm lượng: 500mg	Viên	2.900
3	Papaverin 0,04g	- Quy cách: Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên - Nồng độ/hàm lượng: 40mg	Viên	1.200
4	Povidolod 10%	- Quy cách: Hộp 1 lọ 90ml - Nồng độ/hàm lượng: 10%	Chai	17
5	Nystatin, Metronidazol, Cloramphenicol, Dexamethasone acetat	- Quy cách: Hộp 3 vỉ x 4 viên - Nồng độ/hàm lượng: 100.000 UI; 200mg; 80mg; 0,5mg	Viên	600
6	Bơm kim tiêm 0,5 ml	I. CÁC TIÊU CHUẨN CHUNG. Gồm 6 tiêu chuẩn sau: 1. Bơm tiêm làm bằng nhựa dùng một lần để tiêm trong da vắc xin . 2. Dung tích bơm tiêm là 0,5ml. 3.Cỡ kim là 25G 1" (25G1 inch) 4. Các nguyên vật liệu để làm bơm tiêm: xy lanh, piston, kim tiêm ...là những nguyên vật liệu được phép sử dụng trong y tế. 5. Bơm tiêm phải có tính năng tự khoá (hay còn được gọi là tự hóc, tự hủy, thuật ngữ tiếng Anh là Auto-Disable) có nghĩa là sau khi vắc xin hoặc dung dịch tiêm truyền được hút đủ liều vào trong bơm tiêm rồi tiêm hết thì không thể kéo piston trở lại để hút vắc xin hoặc	Cái	3.000

		dung dịch tiêm truyền lần thứ 2 được nữa. 6. Tập hợp bơm tiêm, kim tiêm, nắp chụp bảo vệ được hàn kín trong một đơn vị đóng gói, và sau đó được xử lý tiệt trùng theo quy trình tiệt trùng II. TIÊU CHUẨN VỀ BƠM TIÊM. Gồm 7 tiêu chuẩn 1. Phải đảm bảo độ trong để dễ dàng xem được liều lượng. 2.Không có chát gây sốt (Pyrogene) và không có độc tố 3. Không có các yếu tố ngoại lai tại bề mặt phía trong của bơm tiêm nơi tiếp xúc với dung dịch tiêm truyền. 4. Vạch chia dung tích phải rõ nét, đều, chạy dọc theo chiều dài của bơm tiêm. Vạch chia và chữ số phải bám chắc vào thành bơm tiêm, không được bong tróc khi chạm tay vào. 5. Khi trục piston ở tư thế lồng hoàn toàn vào trong xy lanh của bơm tiêm thì vạch chuẩn của piston phải khớp với vạch số 0 của thang chia. 6. Khi sử dụng khí và dung dịch tiêm không được lọt qua gioăng (đầu bịt piston). 7. Đầu căm bơm tiêm (vòi bơm tiêm) có độ khít của côn căm vào bơm tiêm, không được rò rỉ dung dịch tiêm hoặc bóng khí chỗ tiếp nối của đầu căm bơm tiêm với đốc kim III. TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VỀ KIM TIÊM. Gồm 8 tiêu chuẩn 1. Không có chất gây sốt (pyrogene) và không có độc tố. 2. Bề mặt kim tiêm phải nhẵn bóng sạch sẽ không có tạp chất khi nhìn bằng mắt thường. 3. Thân kim tiêm làm bằng thép không rỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị gẫy, không bị quằn trong điều kiện sử dụng bình thường. 4. Độ vát đầu kim phải sắc, không có gờ và những lỗi khác 5. Đốc kim được làm bằng vật liệu thích hợp với yêu cầu sử dụng, nếu đốc kim làm bằng vật liệu chất dẻo thì phải được nhuộm mầu theo tiêu chuẩn Quốc tế 6. Bề mặt của đốc kim không có lỗi kỹ thuật do nhà sản xuất 7. Liên kết giữa thân kim và Bơm tiêm chắc chắn không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi Bơm tiêm trong điều kiện sử dụng bình thường. 8. Có nắp đậy đầu kim IV. TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VỀ ĐÓNG GÓI. Gồm 3 tiêu chuẩn		

		1.Đơn vị đóng gói phải được in đủ các thành phần: Loại bơm kim tiêm, tên nhà sản xuất và địa chỉ đăng ký của nhà sản xuất, đã được tiệt trùng, dung tích, cỡ kim, chiều dài kim, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Nếu là hàng nhập khẩu phải có tem nhãn phụ thể hiện bằng tiếng Việt chi tiết như hàng Việt Nam. Tên sản phẩm ..... 2. Mỗi chiếc bơm kim tiêm được đóng gói blister riêng biệt. 3. Hạn sử dụng của sản phẩm hoàn thiện tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận hàng. V. TIÊU CHUẨN KHÁC: 1 tiêu chuẩn 1. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, ISO 9001 - Quy cách: 200 cái /1 hộp, 15 hộp /1 kiện		
7	Bơm kim tiêm tự khóa 0,1 ml	I. CÁC TIÊU CHUẨN CHUNG. Gồm 6 tiêu chuẩn sau: 1. Bơm tiêm làm bằng nhựa dùng một lần để tiêm trong da vắc xin BCG cho trẻ sơ sinh. 2. Dung tích bơm tiêm là 0,1ml. 3.Cỡ kim là 27G 3/8” 4. Các nguyên vật liệu để làm bơm tiêm: xy lanh, piston, kim tiêm ...là những nguyên vật liệu được phép sử dụng trong y tế. 5. Bơm tiêm phải có tính năng tự khoá (hay còn được gọi là tự hóc, tự hủy, thuật ngữ tiếng Anh là Auto-Disable) có nghĩa là sau khi vắc xin hoặc dung dịch tiêm truyền được hút đủ liều vào trong bơm tiêm rồi tiêm hết thì không thể kéo piston trở lại để hút vắc xin hoặc dung dịch tiêm truyền lần thứ 2 được nữa. 6. Tập hợp bơm tiêm, kim tiêm, nắp chụp bảo vệ được hàn kín trong một đơn vị đóng gói, và sau đó được xử lý tiệt trùng theo quy trình tiệt trùng II. TIÊU CHUẨN VỀ BƠM TIÊM. Gồm 7 tiêu chuẩn 1. Phải đảm bảo độ trong để dễ dàng xem được liều lượng. 2.Không có chát gây sốt (Pyrogene) và không có độc tố 3. Không có các yếu tố ngoại lai tại bề mặt phía trong của bơm tiêm nơi tiếp xúc với dung dịch tiêm truyền. 4. Vạch chia dung tích phải rõ nét, đều, chạy dọc theo chiều dài của bơm tiêm. Vạch chia và	Cái	200

		chữ số phải bám chắc vào thành bơm tiêm, không được bong tróc khi chạm tay vào. 5. Khi trục piston ở tư thế lồng hoàn toàn vào trong xy lanh của bơm tiêm thì vạch chuẩn của piston phải khớp với vạch số 0 của thang chia. 6. Khi sử dụng khí và dung dịch tiêm không được lọt qua gioăng (đầu bịt piston). 7. Bơm tiêm và đốc kim tiêm là một khôi. III. TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VỀ KIM TIÊM. Gồm 8 tiêu chuẩn 1. Không có chất gây sốt (pyrogene) và không có độc tố. 2. Bề mặt kim tiêm phải nhẵn bóng sạch sẽ không có tạp chất khi nhìn bằng mắt thường. 3. Thân kim tiêm làm bằng thép không rỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị gẫy, không bị quằn trong điều kiện sử dụng bình thường. 4. Thiết kế đầu kim với mặt vát 3 chiều. Đường kính độ dài kim tiêm phù hợp tiêu chuẩn Quốc tế,chiều dài độ vát mũi kim ≤ 1,2mm đảm bảo kỹ thuật tiêm trong da 5. Đốc kim được nhuộm theo mầu theo tiêu chuẩn Quốc tế 6. Bề mặt của đốc kim không có lỗi kỹ thuật do nhà sản xuất 7. Liên kết giữa thân kim và Bơm tiêm chắc chắn không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi Bơm tiêm trong điều kiện sử dụng bình thường. 8. Có nắp đậy đầu kim IV. TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VỀ ĐÓNG GÓI. Gồm 3 tiêu chuẩn 1.Đơn vị đóng gói phải được in đủ các thành phần: Loại bơm kim tiêm, tên nhà sản xuất và địa chỉ đăng ký của nhà sản xuất, đã được tiệt trùng, dung tích, cỡ kim, chiều dài kim, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Nếu là hàng nhập khẩu phải có tem nhãn phụ thể hiện bằng tiếng Việt 2. Mỗi chiếc bơm kim tiêm được đóng gói blister riêng biệt. 3. Hạn sử dụng của sản phẩm hoàn thiện tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận hàng. V. TIÊU CHUẨN KHÁC : 2 tiêu chuẩn 1. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, ISO 9001, tiêu chuẩn CE. 2. Sản phẩm bơm kim tiêm nhựa tự khóa phải đạt tiêu chuẩn PQS (Performance Quality Safety) của WHO		

		- Quy cách: 200 cái /1 hộp, 15 hộp /1 kiện		
8	Bơm tiêm 5 ml	- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, ISO 14001:2015, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Quy cách: Hộp 100 cái	Cái	500
9	Bông y tế	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị tơi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng.Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Các chất tan trong nước:≤ 0,5%; Độ ẩm: ≤ 8%; Quy cách: 1kg/ gói. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016;Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, - Quy cách: 1kg/ gói	Kg	2
10	Bông y tế- Gạc tẩm cồn (hộp)	Kích thước 3cm x 3cm x 2 lớp. Được làm từ Isopropyl Alcohol 70% và bông thấm nước. Bông màu trắng, thấm cồn đều, có mùi đặc trưng. Không có các kim loại nặng như Chì, Thuỷ ngân, Arsen. Không có vi sinh vật hiếu khí, không có Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus. Đóng gói: 1 miếng/ gói, 100 gói/ hộp, 100 hộp. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; CE - Quy cách: 1 miếng/ gói, 100 gói/ hộp	Hộp	6
11	Chỉ thị đông băng điện tử Freeze-tag	1. Phạm vi nhiệt độ hoạt động: -30°C đến +50°C 2. Độ chính xác: Có độ tin cậy cao, sai số cho phép nằm trong khoảng trên dưới 0.50C đến 10C 3. Độ chia nhỏ nhất: Vạch chia nhỏ	Chiếc	2

		nhất thường là 0.50C hoặc 10C, đảm bảo quan sát rõ khoảng nhiệt độ từ 20C - 80C 4. Kích thước: 165 x 25 x 10mm 5. Vỏ ngoài bằng nhựa dễ dàng vệ sinh và sử dụng.		
12	Dầu soi kính hiển vi	Chất lỏng trong suốt, nhớt, có đặc tính khúc xạ rựa rỡ, xấp xỉ chiết suất(RI) của thủy tinh RI = 1,5. - Quy cách: Chai 500ml.	Chai	1
13	Dung dịch sát khuẩn tay 500ml	Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 …) vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: EN 1500; ISO 13485; ISO 9001 - Đáp ứng thử nghiệm kích ứng da tại đơn vị đạt tiêu chuẩn GLP Chai 500ml - Được kiểm nghiệm khả năng tiêu diệt nhanh 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 30 giây và 03 phút tiếp xúc. - Quy cách: Chai 500 ml	Chai	325
14	Đường Glusose	Túi 500 gram	Túi	24
15	Găng tay khám	Kích cỡ: Chiều dài tổng thể tối thiểu tất cả các số 240mm; Chiều rộng: cỡ XS (76mm ± 3); S (84mm ± 3); M (94mm ± 3); L (105mm ± 3); XL (113mm ± 3) Độ dày đầu ngón tay (0.10mm ± 0.02), độ dày lòng bàn tay (0.10mm ± 0.02); độ giãn dài tối thiểu trước lão hóa (650%) và độ dãn dài tối thiểu sau lão hóa (500%); Độ dai tối thiểu trước khi dùng 18MPa và độ dai tối thiểu sau khi dùng 14MPa. Hàm lượng bột tối đa 10mg/dm2 Tiêu chuẩn chất lượng AQL: 1.5 ; ISO - Quy cách: Hộp 50 đôi	Đôi	300
16	Găng tay phẫu thuật	Kích cỡ: Chiều dài tổng thể tối thiểu tất cả các số 280mm; Chiều rộng: số 5.5 (72mm ± 4); số 6 (77 mm ± 5); số 6.5 (83mm ± 5); số 7 (89mm ± 5); số 7.5 (95mm ± 5); số 8 (102mm ± 6); số 8.5 (108mm ± 6); số 9 (114mm ± 6) độ dày đầu ngón tay (0.15mm ± 0.02), độ dày lòng bàn tay (0.13mm ± 0.02); độ dày cổ tay (0.12mm± 0.02); độ giãn dài tối thiểu trước lão hóa (750%) và độ giãn dài tối thiểu sau lão hóa (560%); Độ dai tối thiểu trước khi dùng	Đôi	1.500

		24MPa và độ dai tối thiểu sau khi dùng 18MPa. Hàm lượng bột tối đa 15mg/dm2. Được tiệt trùng - Quy cách: Túi 1 đôi, Hộp 50 đôi; Thùng 400 đôi		
17	Găng tay y tế vô khuẩn	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng: a. Kích thước vật lý: Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Chiều dày tối thiểu 1 lớp cho các cỡ:0,15mm - 0,20mm b. Cường lực và độ giãn dài kéo đứt: Cường lực kéo đứt tối thiểu:Trước già hóa: 15N, Sau già hóa: 11N. Lực kéo tối đa tại độ giãn dài 300% trước khi già hóa nhanh: Max2,0N. Độ giãn đứt tối thiểu:Trước già hóa: 750%, Sau già hóa: min 650% c. Độ kín nước (lỗ thủng): Mức kiểm tra G-I, AQL 1,0 d. Trọng lượng trung bình: g/đôi và dung sai ±0,2g. Cỡ 61/2:16,5g; 7,0:18,5g; 71/2: 20,5g. e. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): 100mg±20mg f. Tiêu chuẩn nâng cao: Có thể đáp ứng các yêu cầu tăng/giảm độ dày của găng vì bản chất đặc thù trong phương pháp chữa bệnh của một số bệnh viện. Mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. TCVN 6344 (ISO 10282:2014). ISO 9001:2015; ISO 13485:2016. - Quy cách: Túi 1 đôi, hộp 50 đôi	Đôi	500
18	Khẩu trang N95	Khẩu trang có các nếp gấp hình chữ V có tác dụng ôm kín khuôn mặt khi đeo. Sản phẩm chứa trong bao bì nilon. Tiệt trùng bằng EO. - Quy cách: Túi 10 chiếc	Chiếc	500
19	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng + 2 lớp ngoài vải không dệt + Lớp vi lọc ở giữa (lớp màng lọc khuẩn) có tác dụng ngăn các giọt bắn, lọc bụi, vi khuẩn, đóng vai trò quan trọng nhất. Yêu cầu đối với lớp vi lọc là thấu khí, không thấm nước + 1 thanh tựa mũi: Bằng nhựa 100% nguyên chất hoặc kẽm bọc nhựa + 2 dây đeo tai: bằng sợi polyester và spandex, độ co giãn tốt. Màu sắc đồng đều, không loang bẩn Quy cách: 1 cái/ gói. Sản phẩm chứa trong bao bì giấy tiệt trùng dùng trong y tế Tiệt trùng bằng EO.Gas Đạt theo tiêu chuẩn TCVN 8389-1:2010 Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016;ISO 11135:2014; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE,;QCVN 01:2017/BCT - Quy cách: 1 cái /gói, 3500 cái/thùng	Chiếc	2.000

20	Kim chích máu	• Tiệt trùng: Tiệt trùng bằng tia gamma. Lưỡi trích bằng thép thép sử dụng một lần. - Quy cách: 100 Cái/hộp	Cái	500
21	KIT Kiểm tra nhanh dầu mỡ ôi khét	Phát hiện nhanh mức độ bị oxy hóa của dầu mỡ. Thời gian phát hiện: 2 – 5 phút. Phạm vi áp dụng: Dầu ăn, mỡ động vật sử dụng làm thực phẩm. - Quy cách: Hộp 10 test	Hộp	5
22	KIT Kiểm tra nhanh dư lượng thuốc trừ sâu	Kit kiểm tra nhanh dư lượng thuốc trừ sâu VPR10 sử dụng để kiểm tra nhanh thuốc trừ sâu nhóm lân hữu cơ và Carbamate trong rau, quả. Kit VPR10 sử dụng cho 10 lần thử. Đọc kết quả sau 5-6 phút. - Quy cách: Hộp 10 test	Hộp	10
23	KIT Kiểm tra nhanh Focmon	Bộ kit thử formol (Foocmon), dùng kiểm tra formol trong hải sản sống, thịt cá tươi, bánh phở, bún - Quy cách: 20 test/hộp	Hộp	3
24	KIT Kiểm tra nhanh hàn the	Bộ kiểm tra test nhanh hàn the, dùng kiểm tra thịt, cá tươi và các sản phẩm chế biến như giò chả, bánh cuốn, bánh phở - Quy cách: 50 test/hộp	Hộp	2
25	KIT Kiểm tra nhanh methanol trong rượu	Kit kiểm tra Methanol cho phép kiểm tra phát hiện Methanol trong rượu. Thời gian phát hiện: 5 – 10 phút. Giới hạn phát hiện: 0.06 % Phạm vi áp dụng: Rượu trắng - Quy cách: Hộp 10 test	Hộp	5
26	KIT kiểm tra nhanh phẩm màu (màu kiềm)	Kit kiểm tra nhanh phẩm màu cho phép phát hiện nhanh mẫu vật có sử dụng phẩm màu hay không. Phạm vi áp dụng: bánh, kẹo, các loại mứt, nước giải khát. - Quy cách: 20 test/hộp	Hộp	5
27	Lam kính, lam chích (bộ)	Nguyên vật liệu: Kính trung tính đạt chuẩn Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1” x 3”) ±1mm. Mài mờ 1 đầu. Bề mặt phẳng, không mốc. Đạt tiêu chuẩn ISO, Hộp 72 miếng - Quy cách: Hộp 72 miếng	Hộp	14

28	Máy test đường huyết mao mạch.	Công nghệ: Cảm biến sinh học/Điện hóa, đường oxidase (GOD) Mỗi que thử chứa các thành phần phản ứng hóa học sau: Glucose oxidase < 25 IU, Chất trung gian (Mediator) < 300 µg. Thời gian đo: 10 giây Lượng mẫu tối thiểu: 0.5 µL Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch Phạm vi HCT: 25 - 60% Khoảng đo đường huyết: 1.1 - 33.3mmol/L (20 - 600mg/dL) Giá trị YSI tham chiếu được đo từ mẫu máu mao mạch lấy từ đầu ngón tay với khoảng giá trị mẫu phẩm từ 1.9 đến 28.2 mmol/L (34.3 đến 507 mg/dL), cho kết quả: - Đạt 100% nằm trong khoảng ±15% với nồng độ đường huyết < 5.55 mmol/L(100 mg/dL) - Đạt 99,6% nằm trong khoảng ±15% với nồng độ đường huyết ≥ 5.55 mmol/L (100 mg/dL) Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 Điều kiện làm việc: 5 - 45ºC; 10 - 90% RH - Quy cách: Hộp 1 chiếc	Chiếc	3
29	Mỏ vịt nhựa khám 1 lần	Mỏ vịt cỡ M và L, sản xuất từ chất liệu nhựa nguyên sinh, độ trơn láng cao. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 - Quy cách: 50 cái/bịch (Kiện 300 cái)	Cái	150
30	Naphashield 2%	Thành phần: 2%kl/kl Chlorhexidine Digluconate. Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100% Tiêu chuẩn: ISO 9001:2015 ISO 13485 :2016 - Quy cách: Chai 500ml	Chai	2

31	Naphatadin 10% (ASI-IODINE)	Thành phần: 10%kl/tt Povidone Iodine Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100%. - Quy cách: Chai 100ml	Chai	10
32	Nước muối sinh lý	Nước muối sinh lý Natri Clorid 0,9%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Quy cách: Chai 500ml	Chai	10
33	Quần áo phòng dịch	Quần, áo, mũ, bao giày, găng tay, kính - Quy cách: Túi 1 bộ	Bộ	240
34	Que thử đường máu	Công nghệ: Cảm biến sinh học/Điện hóa, đường oxidase (GOD) Mỗi que thử chứa các thành phần phản ứng hóa học sau: Glucose oxidase < 25 IU, Chất trung gian (Mediator) < 300 µg. Thời gian đo: 10 giây Lượng mẫu tối thiểu: 0.5 µL Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch Phạm vi HCT: 25 - 60% Khoảng đo đường huyết: 1.1 - 33.3mmol/L (20 - 600mg/dL) Giá trị YSI tham chiếu được đo từ mẫu máu mao mạch lấy từ đầu ngón tay với khoảng giá trị mẫu phẩm từ 1.9 đến 28.2 mmol/L (34.3 đến 507 mg/dL), cho kết quả: - Đạt 100% nằm trong khoảng ±15% với nồng độ đường huyết < 5.55 mmol/L(100 mg/dL) - Đạt 99,6% nằm trong khoảng ±15% với nồng độ đường huyết ≥ 5.55 mmol/L (100 mg/dL) Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016, CE, FDA Điều kiện làm việc: 5 - 45ºC; 10 - 90% RH Phân loại TTBYT: C - Quy cách: 50 Test/Hộp	Hộp	10
35	Tấm lót khám	Nylon mảnh HD Màu sắc đồng đều, có độ trong,bóng bề mặt, có độ cứng nhất định, dễ gấp nếp. Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách thủng, ko kích ứng da. Trọng lượng (g/cái): 34g	Cái	150

		– 35g/m2 (± 1g). Tiệt trùng bằng khí EO.Gas - Đóng gói: 1 cái/ gói. Được đóng gói trong bao bì giấy tiệt trùng có màu chỉ thị dùng trong y tế - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận CE - Quy cách: 01 cái/ gói		
36	Test Giang Mai	Que thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch kỹ thuật màng, định tính phát hiện các kháng thể (IgG và IgM) kháng Treponema Pallidum (TP) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,3% - Độ chính xác tương quan: 99,6% - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% - Quy cách: 50 Test/Hộp	Test	200
37	Test HIV	Độ nhạy 100% , độ đặc hiệu ≥ 99,75%, - Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút, - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tươngmáu toàn phần: 50uL. Không cần dung dịch dịch đệm cho mẫu huyết thanh, huyết tương . - Sản xuất tại nước thuộc G7. - Được ban hành trong Khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương - Đạt tiêu chuẩn WHO-PQ Thành phần chính: Anti- HIV-1 Antibody, Anti-HIV-2 Antibody, HIV-1 Group O (pGO9-CKS/XL-1), Antigen hiv-2 (PjC100), HIV-1 (pOM10/PV361) Antigen, HIV-1 (pTB319/XL-1) Antigen, HIV-2 (peptide) Antigen, HIV-1/2 Peptide- BSA Đạt tiêu chuẩn ISO - Quy cách: Hộp 100 test	Test	200

38	Test kháng nguyên XN SARS-CoV-2	Khay thử định tính phát hiện kháng nguyên protein nucleocapsid từ SARS-CoV-2 trong mẫu ngoáy dịch tỵ hầu của người. - Độ nhạy tương quan: 97,6% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,5% - Độ chính xác tương quan: 99,1% Que chứng âm, chứng dương được cung cấp kèm theo mỗi hộp để kiểm tra sự chính xác của sản phẩm Ngưỡng phát hiện(LoD) 1,6*10^2 TCID50/mL. Phát hiện được những biến chủng của SARS-CoV-2 : BA.2.86, BA.2.86.1, XBB.1.16.6, JN.1 (BA.2.86.1.1) Không bị lây nhiễm chéo bởi Virus RSV và Rhino ở nồng độ 3,15*10^5 TCID50/mL Kết quả thử nghiệm trên bộ mẫu chuẩn của NICVB : Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 100% Kết quả thử nghiệm của FIND (Thụy Sỹ) với phương pháp PCR, Ct ≤ 25 : độ nhạy 100% - Quy cách: 25 Test/Hộp	Test	200
39	Test nhanh sốt rét	Phát hiện phân biệt kháng nguyên P.f và P.v trong mẫu máu toàn phần (thể tích mẫu máu 5µ). Độ nhạy: 99,7% (P.f), 95,5% (P.v). Độ đặc hiệu: 99,5%. Độ nhạy phát hiện Pf với nồng độ >50 ký sinh trùng/µl là 100%. Độ nhạy phát hiện Pv với nồng độ >50 ký sinh trùng/µl lớn hơn 98%.	Test	50
40	Test thử ma tuý 5 chân	Panel thử xét nhiệm định tính MOP/COD/HER/THC/ AMP là một xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh dùng để phát hiện định tính MOP,COD,HER,THC,AMP trong nước tiểu và chất chuyển hoá của chúng trong nước tiểu. Mẫu phẩm: Nước tiểu + Ngưỡng phát hiện - MOP: 250 ng/ml - COD: 200 ng/ml - HER: 10 ng/ml - THC: 50 ng/ml - AMP: 300 ng/ml	Test	220

		+ Độ nhậy, độ đặc hiệu thử nghiệm trên 250 mẫu MOP: Độ nhậy, độ đặc hiệu, độ chính xác >99,99% COD: Độ nhậy, độ đặc hiệu, độ chính xác >99,99% HER: Độ nhậy, độ đặc hiệu, độ chính xác >99,99% THC: Độ nhậy, độ đặc hiệu, độ chính xác >99,99% AMP: Độ nhậy, độ đặc hiệu, độ chính xác >99,99% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - Quy cách: 20 test/ hộp		
41	Test Viêm gan B	Độ nhạy 98,4% , độ dặc hiệu ≥ 99,6%; - Giới hạn phát hiện 0.1IU/ml. - Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 30 phút , - Sử dụng được cho tất cả các loại mẫu bệnh phẩm bao gồm: Huyết thanh, huyết tương, máu tĩnh mạch, máu đầu ngón tay của Người. - Thể tích sử dụng: 50 µL - Sản xuất tại nước thuộc G7 . Đạt tiêu chuẩn WHO PQ - Thành phần tại vạch test: Kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HbsAg Biotinyl và các hạt màu đen được phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HBsAg. - Hàm lượng : Anti-HBs antibody A1 (233ng/Test); Anti-HBs antibody B1 (17 ng/Test); Anti-HBs antibody B2 (6 ng/Test); Anti-HBs antibody B3 (6 ng/Test); Kháng thể trên thanh kiểm soát (17 ng/Test) Xét nghiệm phát hiện được ít nhất 14 đột biến khác nhau của HbsAg bao gồm: P120Q, T123A, T126N, T126S, Q129R, Q129H, Q129L, M133H, M133L, K141E, P142S, T143K, D144A và G145R. - Đạt tiêu chuẩn ISO - Quy cách: Hộp 100 test	Chiếc	200

42	Test xét nghiệm kháng nguyên sốt xuất huyết	Khay thử Xét nghiệm sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 của cả bốn loại huyết thanh (DEN-1, DEN-2, DEN-3 và DEN-4) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Thành phần: - Vùng cộng hợp: cộng hợp kháng thể kháng kháng nguyên Dengue NS1 0,24ug gắn với hạt vàng, cộng hợp kháng thể kiểm chứng 0,16ug gắn với hạt vàng - Vạch kết quả: kháng thể kháng kháng nguyên Dengue NS1 0,528ug - Vạch chứng: kháng thể kiểm chứng 0,44ug Lượng mẫu sử dụng: 10 µl Ô nhận mẫu (S) và ô nhận dung dịch đệm (B) được thiết kế riêng để tăng hiệu quả xét nghiệm Độ nhạy tương quan: 99,1%. Độ đặc hiệu tương quan: 99,5% Độ chính xác tương quan: 99,4% Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE và ít nhất 2 chứng chỉ FSC được cấp bởi các nước tham chiếu theo Thông tư 14/2020/TT-BYT Đọc kết quả ở phút thứ 15 Phân loại BYT: C - Quy cách: 25 Test/Hộp	Test	100
43	Test xét nghiệm mocphin heroin	Định tính phát hiện OPI/Morphine trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: 300 ng/mL. Độ nhạy tương quan 100%, Độ đặc hiệu tương quan 100%. ISO 13485. - Quy cách: 50 Test/Hộp	Test	1.350
44	Thiết bị theo dõi nhiệt độ tự động cho dây chuyền lạnh kèm dây	1. Thiết bị theo dõi nhiệt độ điện tử có cổng USB 2. Kích thước bên ngoài: 128 x 75 x 19 mm 3. Kích thước màn hình: 95 x 27 mm 4. Trọng lượng: 107 g 5. Nhiệt độ hoạt động: -40°C đến +60°C 6. Tiêu chuẩn: CE, EMC, tiêu chuẩn ROHS, REACH, PQS 7. Dải nhiệt có thể hiển thị: -10°C đến +55°C 8. Khoảng nhiệt độ cảnh báo: -35°C đến +55°C, độ phân giải	Chiếc	10

	cảm biến (Fridge-tag 2E);	0.1°C 9. Thời gian báo động cảnh báo: 1 phút - 23 giờ 59 phút 10. Kiểu báo động: Hình ảnh 11. Không gian bộ nhớ: 30 ngày lưu giữ trên màn hình 12. Pin Lithium không thay thế 13. Thời gian hoạt động: lên tới 5.5 năm (0.5 năm lưu giữ và 5 năm sử dụng) - Quy cách: Túi 1 chiếc		
45	Bộ nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranine chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Quy cách: Bộ 4 chai x 250ml	Bộ	2
46	Cloramin B	Sodium benzensulfochloramin với công thức C6H5SO2NClNa.2H20. Sử dụng để diệt khuẩn bề mặt, xử lý nước. Trong chloramin B có 25% là clo hoạt tính. Hiệu quả tiêu diệt vi khuẩn phổ rộng, nha bào, nấm, virus lên đến 99,9% - Loại sản phẩm: Tiêu chuẩn - Hình thức: Bột trắng có kim tuyến - Độ tinh khiết %: Tối thiểu 99 - Clo hoạt tính ppm %:Tối thiểu 25 - Giá trị PH%:9-11 - Sắt ppm %:Tối đa 5ppm - Kim loại nặng ppm %:Tối đa 5ppm Thành phần: Sodium benzensulfoChloramin Hàm lượng: - Độ tinh khiết: Min 99% - Active Clorine min 27% - NaOH max 0.8% - Hàm lượng Pb tối đa 0.02% - Hàm lượng As tối đa 0.001 mg/l. Hình thái bên ngoài: Dạng bột màu trắng, có mùi đặc trưng. - Quy cách: Thùng 25kg	Kg	127
47	Cồn 70độ	Ethanol 70 độ, trong suốt không màu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 - Quy cách: Chai 500ml	Chai	1
48	Dầu Parafin	Dạng lỏng, trong suốt, không mùi. - Quy cách: Chai 500ml	Chai	1
49	Dung dịch Acid acetic	Chai 500ml nồng độ 3%	Chai	1
50	Viên khử khuẩn 2,5g	- Dạng viên sủi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm & gram dương, bao gồm cả Staphylococcus kháng Methicillin (MRSA) theo tiêu chuẩn EN14561, pH: 5.0 - 6.5	Hộp	1

		- 1 viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24%. trọng lượng 1 viên - Đạt các tiêu chuẩn: ISO13485, CFS, GMP - Quy cách: Hộp 100 viên		
51	PERME UK 50EC	Hàm lượng hoạt chất: Permethrin 50% (Tỷ lệ đồng phân cis / trans của Permethrin Technical 25:75); - Dạng thành phẩm: Dạng lỏng - Môi trường pha loãng: Nước - Dạng sử dụng: Phun tồn lưu - Quy cách: Chai 1 lít	Lít	80
	Tổng cộng: 51 khoản			

**Ghi chú: Báo giá phải là giá đã bao gồm các loại thuế, phí và các loại chi phí liên quan khác (bao gồm cả chi phí vận chuyển và lắp đặt).*